

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀ AN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 02-2021

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lục Thanh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đàm Văn Dân.

2. Bà Hoàng Thị Bằng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Hồng Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng K - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị L; Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm M, xã X, huyện T, Cao Bằng.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Lưu Ngọc K; Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm 3B, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Vi Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lưu Ngọc K tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 06 tháng 12 năm 2015. Trước khi kết hôn, hai người có được tìm hiểu nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là thị trấn N), huyện H, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chị sống chung tại Xóm 3B, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 07 tháng 06 năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K nghiện ngập, việc phát hiện anh nghiện chị có khuyên giải nhưng không thành, hiện tại, vợ chồng chị đã không còn chung sống với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa, do vậy chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Ngọc K.

Về con chung: Chị và anh K có 01 (một) con chung là cháu Lưu Ngọc K1 (sinh ngày: 24/06/2017) hiện cháu đang ở với anh K. Tại thời điểm ly hôn chị L và anh K đã thỏa thuận con chung sẽ do anh K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lưu Ngọc K trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh K xác nhận đúng như chị L đã trình bày.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Hai vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến ngày 22 tháng 9 năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chủ quan làm mất xe máy của vợ, do vợ nghi ngờ anh nghiện ngập. Mâu thuẫn chưa được giải quyết lần nào, vợ chồng anh không ở gần nhau từ ngày 17 tháng 10 năm 2020. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn chưa thực sự trầm trọng, việc chị L xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn với chị L vì vẫn còn tình cảm.

Về con chung: Anh K thừa nhận đúng như chị L đã trình bày. Hiện tại con đang ở với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu sẽ là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Lưu Ngọc K1 (sinh ngày: 24/06/2017) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã xác minh tại cơ sở ngày 13/01/2021 ông Bé Trọng Đ - Công an viên thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng cung cấp như sau: Anh Lưu Ngọc K là đối tượng nghiện ma túy có hồ sơ do Công an thị trấn Nước Hai quản lý. Năm 2018, anh K bị xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 01/8/2019 thì chấp hành án xong trở về địa phương sinh sống nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Chị L đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận giữa hai vợ chồng về con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo

pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tuy nhiên bị đơn còn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vi Thị L kết hôn với anh Lưu Ngọc K, địa chỉ: Xóm 3B, thị trấn N, Hòa An, Cao Bằng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (Nay là UBND thị trấn N), Hòa An, Cao Bằng. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn với anh K nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị L và anh Lưu Ngọc K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B (Nay là UBND thị trấn N), Hòa An, Cao Bằng vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh K thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian sống chung của chị L và anh K lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được như việc anh K sử dụng trái phép chất ma túy làm khánh kiệt kinh tế gia đình, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đến mức chị L phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Đối với anh K trình bày việc vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, hiện tại vợ chồng chưa đủ thời gian ly thân nên chưa biết là có thể hàn gắn lại hay không do vậy anh mong muốn được chị L xem xét rút đơn quay về đoàn tụ gia đình nhưng khi xác minh về mâu thuẫn của vợ chồng tại nơi cư trú thể hiện căn nguyên để xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là xuất phát từ anh K, sự việc xảy ra trong một thời gian dài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng chị L anh K không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối anh K là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị L và anh K có 01 (một) con chung là cháu Lưu Ngọc K1 sinh ngày 24/06/2017, hiện cháu đang ở với anh K. Khi giải quyết vụ án thì Chị L và anh K đã thỏa thuận thống nhất con chung sẽ để cho anh Lưu Ngọc K là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn đến khi con đủ tuổi trưởng thành, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con và chị L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh K đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị L được ly hôn với anh Lưu Ngọc K.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh K về việc sau khi ly hôn con chung là cháu Lưu Ngọc K1, sinh ngày 24/06/2017 sẽ do anh Lưu Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi), chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết chị L, anh K có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh K đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001487 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn N;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lục Thanh Hải**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Văn Dần**

**Hoàng Thị Bằng**

**Lục Thanh Hải**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nam Tuấn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lục Thanh Hải**